

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án:17/2018/HS-PT

Ngày: 14 - 3 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Phượng

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tuấn Long

Ông Trần Hữu Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Ngọc Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2018/TLPT-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Lê Nguyễn Thùy A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 246/2017/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Nguyễn Thùy A – Sinh ngày 21/11/1999. Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện I, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ phòng trọ: Tổ 9 thôn K, xã L, thành phố B, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức M và bà Nguyễn Thị N; cha dượng Ngô Quốc P; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/7/2017. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 10/7/2017, Nguyễn Văn Q điều khiển xe máy hiệu Mio màu đen (BKS: 79Z1-178.02) chở Lê Nguyễn Thùy A đi ngoài đường mục đích xem ai để tài sản thì trộm cắp bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khi đến trước nhà số 97 đường R, phường S, thành phố B, Q phát hiện 01 xe máy hiệu Sirius màu đỏ đen (BKS: 79N1-771.56) của chị Đặng Thị Phương T đang đứng trước nhà, Q quan sát không thấy người trông coi nên nói A đứng gần đó canh chừng, còn Q dùng đoạn phá khóa chiếc xe trên rồi nổ máy cùng A chạy về phòng trọ tại tổ 9 thôn U, xã L, thành phố B cất giấu. Sau đó Q, A kiểm tra bên trong cốp xe lấy

được số tiền 11.000.000 đồng, 01 CMND, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Đặng Thị Phương T.

Sau khi mất xe chị T đến Công an phường S trình báo. Qua điều tra, đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày khi Q và A đang ở phòng trọ thì Cơ quan Công an phát hiện đưa về trụ sở làm việc cùng tang vật gồm: 01 xe máy (BKS: 79N1-771.56), 01 xe máy hiệu Mio màu đen (BKS: 79Z1-178.02), 01 xe máy hiệu ESPERO RC gắn (BKS: 79D1-136.28), số tiền 11.000.000 đồng, 01 CMND và 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Đặng Thị Phương T, 05 thanh sắt hình lục giác một đầu được mài đẹp, 03 cây sắt có hình chữ L một đầu được gắn 01 khóa lục giác, 08 gương kính xe các loại, 02 cánh bửng Sirius màu vàng, 01 điện thoại Nokia.

Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Văn Q và Lê Nguyễn Thùy A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp nêu trên.

Quá trình điều tra còn xác định, từ tháng 5/2017 đến tháng 7/2017, Q và A đã thực hiện 03 vụ trộm cắp xe máy, cụ thể:

Vụ 1: Ngày 13/5/2017, Nguyễn Văn Q đi bộ đến khu vực nhà trọ số 29 đường U, phường V, thành phố B thì phát hiện 01 xe máy ESPERO màu đỏ (BKS: 79TA-003.08) của chị Nguyễn Trang Thực X đang dựng trong nhà để xe, quan sát thấy không có người trông coi, Q đi đến dùng đoản phá khóa rồi lấy trộm xe đem về phòng trọ cất giấu.

Vụ 2: Khoảng 16 giờ ngày 26/6/2017, Nguyễn Văn Q điều khiển xe máy hiệu Mio gắn (BKS: 79Z1-178.02) chở Lê Nguyễn Thùy A đi đến trước số nhà 819 đường Y, phường V, thành phố B thì phát hiện 01 xe máy (BKS: 79N1-010.38) trên xe có gắn chìa khóa của anh Võ Minh A1, đang dựng trước cửa hàng gas B1, không có người trông coi, Q đi đến lấy trộm xe máy trên rồi điều khiển bỏ chạy đến đoạn đường đèo C1, phường D1, thành phố B bán cho một người tên E1 (không rõ nhân thân lai lịch) được 1.800.000 đồng. Số tiền trên Q, A đã tiêu xài hết.

Vụ 3: Khoảng 15 giờ ngày 02/7/2017, Nguyễn Văn Q điều khiển xe máy hiệu Mio gắn (BKS: 79Z1-178.02) chở Lê Nguyễn Thùy A đi đến trước số nhà 20 đường G1, phường H1, thành phố B thì phát hiện 01 xe máy hiệu Sirius (BKS: 79R2-1611) của chị Võ Hồ Thị K1, đang dựng trên vỉa hè. Thấy vậy, Q nói A đứng gần đó canh giới và điều khiển xe máy hiệu Mio, Q đi đến dùng đoản phá khóa lấy trộm xe máy. Sau khi trộm cắp được xe máy trên, Q điều khiển chạy đến khu vực L1, bán cho một người tên M1 (không rõ nhân thân lai lịch) được 1.600.000 đồng, số tiền trên Q, A tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá số: 264, 305, 323, 324 ngày 28/8, ngày 20/9 và ngày 03/10/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố B kết luận: 01 xe máy hiệu ESPERO (BKS: 79TA-003.08) giá trị 14.700.000 đồng, 01 xe máy Yamaha Sirius (BKS: 79N1-771.56) giá trị 11.096.000 đồng, 01 xe máy Yamaha Sirius (BKS: 79R2-1611) giá trị 3.040.000 đồng, 01 xe máy Yamaha Sirius (BKS: 79N1-010.38) giá trị 5.320.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là: 34.156.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn Q trộm cắp là: 45.156.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Lê Nguyễn Thùy A trộm cắp là: 30.456.000 đồng.

Tại Bản án số 246/2017/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt: bị cáo Lê Nguyễn Thùy A 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù và quyết định về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/12/2017, bị cáo Nguyễn Lê Thùy A kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn, nên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

* Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong khoảng thời gian tháng 6 và tháng 7 năm 2017, bị cáo đã cùng với Nguyễn Văn Q thực hiện 3 vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn thành phố B. Với phương thức phạm tội là Q dùng xe máy chở bị cáo A đi ngoài đường xem có tài sản để sơ hở thì trộm cắp. Khi phát hiện có xe máy để ngoài đường không có người trông coi, thì A ngồi trên xe máy cạnh giới, để Q đi bộ đến mở khóa xe máy và dắt đi.

Tài sản mà bị cáo A cùng với Q chiếm đoạt gồm: 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen (BKS: 79N1-771.56) của chị Đặng Thị Phương T để trước nhà số 97 đường R, phường S, thành phố B; 01 xe máy (BKS: 79N1- 010.38) của anh Võ Minh A1 để trước nhà 819 đường Y, phường V, thành phố B; 01 xe máy hiệu Sirius (BKS: 79R2-1611) của chị Võ Hồ Thị K1 để trên vỉa hè trước nhà 20 đường G1, phường H1, thành phố B. Tổng giá trị tài sản 3 chiếc xe máy nêu trên là: 30.456.000 đồng.

[2] Xét thấy, vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng mà bị cáo đã cùng với Q nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội. Lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, bị cáo đã làm nhiệm vụ cảnh giới để Q lén lút chiếm đoạt tài sản của họ. Như vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những

xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, nên cần thiết phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; đường lối xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội, đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới nên không có cơ sở để xem xét, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[5] Về án phí: Vì kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Nguyễn Thùy A; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 90 và Điều 91 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Nguyễn Thùy A 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. B;
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Bị cáo; Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thúy Phượng